

Số: /BC-UBND

Xuân Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 71-NQ/TW

Ngay sau khi Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo được ban hành, đơn vị đã kịp thời xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức quán triệt, tuyên truyền và phổ biến sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn. Nội dung tuyên truyền tập trung làm rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết; nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng để phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Công tác tuyên truyền được thực hiện thông qua nhiều hình thức phong phú như: tổ chức hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết; sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên môn; lồng ghép trong các cuộc họp cơ quan, đơn vị; tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, các trang mạng xã hội và các hoạt động giáo dục của các nhà trường. Qua đó, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, phát huy trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện các mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Đảng ủy, ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết gắn với nhiệm vụ chính trị và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đồng thời, chú trọng tuyên truyền các mô hình hay, cách làm sáng tạo, những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong quá trình thực hiện Nghị quyết nhằm tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn ngành và xã hội.

2. Việc ban hành kế hoạch, chương trình hành động, văn bản chỉ đạo của địa phương

Việc ban hành kế hoạch, chương trình hành động và các văn bản chỉ đạo được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất từ cấp ủy, chính quyền đến các cơ quan, đơn vị; tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW trên địa bàn địa phương, cụ thể:

Thực hiện Chương trình số 11-Ctr/TU ngày 18/11/2025 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển Giáo dục và Đào tạo. Ngày 30/12/2025 Ban thường vụ Đảng ủy đã ban hành Kế hoạch số 31- KH/ĐU thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

UBND xã đã tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; lồng ghép tuyên truyền tại 18/18 thôn với tổng số hơn 1.300 lượt người tham dự

3. Công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện

Ủy ban kiểm tra, Hội đồng nhân dân và Phòng Văn hóa – Xã hội đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất đối với các cơ sở giáo dục, đơn vị trực thuộc về việc xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết, công tác tuyên truyền, quán triệt, việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra. Nội dung kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như: nâng cao chất lượng giáo dục; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; chuyển đổi số trong giáo dục; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; thực hiện các chính sách giáo dục đối với học sinh, giáo viên và các đối tượng thụ hưởng.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, các cơ quan quản lý đã kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị khắc phục hạn chế, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết. Đồng thời, biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả; chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

4. Những thuận lợi, khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành

a. Thuận lợi

Nghị quyết số 71-NQ/TW xác định rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo, tạo cơ sở chính trị quan trọng để các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự hướng dẫn kịp thời của các cơ quan chuyên môn cấp trên trong quá trình triển khai thực hiện.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên cơ bản có tinh thần trách nhiệm, tích cực hưởng ứng các chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo.

Nhận thức của cán bộ, đảng viên, viên chức, người lao động và Nhân dân về vai trò của giáo dục và đào tạo ngày càng được nâng cao, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành ngày càng được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ.

Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và các ngành liên quan được ban hành tương đối đầy đủ, tạo thuận lợi cho việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tại địa phương.

b. Khó khăn

Đối với xã Xuân Giang thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến việc huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

Nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới, đặc biệt là đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ thông tin.

Các cơ sở giáo dục còn gặp khó khăn về đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên ở một số môn học, cấp học; tình trạng thiếu giáo viên cục bộ vẫn còn xảy ra.

Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện Nghị quyết có thời điểm chưa thật sự chặt chẽ; việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện một số nhiệm vụ còn gặp khó khăn.

Một bộ phận cán bộ, giáo viên còn tâm lý ngại đổi mới, khả năng thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số và các phương pháp quản lý, giảng dạy mới còn hạn chế.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và đổi mới quản trị giáo dục

Kết quả rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền địa phương: Qua rà soát, các cơ quan chuyên môn đã tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới một số cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển giáo dục và đào tạo. Nội dung tham mưu tập trung vào các lĩnh vực như: phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; hỗ trợ học sinh thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục; huy động các nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục.

Đồng thời, địa phương đã rà soát các quy định, chính sách không còn phù hợp hoặc phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện để kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung theo quy định. Công tác tham mưu được thực hiện bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, bám sát tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương.

Thông qua việc rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý cho hoạt động giáo dục và đào tạo trên địa bàn tiếp tục được củng cố; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng dạy học, thực hiện hiệu quả các mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW.

Kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục: Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và các quy định của Trung ương, của tỉnh về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, địa phương đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo đúng thẩm quyền được giao.

Công tác phân cấp, phân quyền được thực hiện theo hướng tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục. Các đơn vị trường học được tạo điều kiện chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, quản lý và sử dụng các nguồn lực được giao, tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, địa phương tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính từng bước được triển khai hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức và các cơ sở giáo dục.

Các thủ tục hành chính liên quan đến tuyển sinh, chuyển trường, công nhận văn bằng, chứng chỉ, chế độ chính sách đối với người học và các thủ tục khác thuộc lĩnh vực giáo dục được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định. Thời gian giải quyết hồ sơ cơ bản được bảo đảm, hạn chế tình trạng chậm trễ, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân.

Thông qua việc thực hiện phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục tiếp tục được nâng lên; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu được tăng cường; môi trường làm việc ngày càng minh bạch, thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và các cơ sở giáo dục.

Đổi mới công tác quản trị cơ sở giáo dục: Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, các cơ sở giáo dục trên địa bàn đã từng bước đổi mới công tác quản trị nhà trường theo hướng hiện đại, dân chủ, công khai, minh bạch và nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động giáo dục.

Các cơ sở giáo dục đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nhà trường gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục; thực hiện đổi mới phương thức quản lý, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị, điều hành, quản lý hồ sơ, dữ liệu giáo dục và các hoạt động chuyên môn. Công tác quản lý được thực hiện trên cơ sở khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý trường học, cơ sở dữ liệu ngành và các nền tảng số phục vụ công tác điều hành.

Việc thực hiện quy chế dân chủ trong trường học được quan tâm, phát huy vai trò của tập thể lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể, đội ngũ cán bộ, giáo viên,

nhân viên và cha mẹ học sinh trong quá trình xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục. Các nội dung về tài chính, cơ sở vật chất, các khoản thu, chi và kết quả thực hiện nhiệm vụ được công khai theo quy định.

Công tác quản lý chất lượng giáo dục được chú trọng thông qua việc xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, đánh giá chất lượng giáo dục, thực hiện tự đánh giá và cải tiến chất lượng; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Năng lực quản trị của đội ngũ cán bộ quản lý từng bước được nâng cao thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và tự học tập, nghiên cứu.

Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục đã đẩy mạnh xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong việc hỗ trợ các hoạt động giáo dục và xây dựng văn hóa nhà trường.

2. Đối với giáo dục mầm non

2.1. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non

Quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường, lớp: tính đến thời điểm tháng 5/2026 xã Xuân Giang có 18 thôn, bản; sắp xếp gồm 2 điểm trường chính và 10 điểm trường lẻ.

Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, mẫu giáo: 3 đến 5 tuổi đến trường/Tổng số trong độ tuổi = $743/743 \times 100 = 100\%$

Phát triển giáo dục mầm non ở khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng khó khăn: Đầu tư sửa chữa nhà ăn, bếp nấu, mua sắm thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi cho trẻ.

2.2. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Việc xây dựng và triển khai Chương trình giáo dục mầm non: được thực hiện theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, bảo đảm sự phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội. Cơ sở giáo dục mầm non đã chủ động đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, tăng cường trải nghiệm, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện. Đồng thời, quan tâm bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình tại vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW.

Công tác bảo đảm an toàn cho trẻ: được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ. Nhà trường thực hiện nghiêm các quy định về an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh; thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Nhờ đó, môi trường giáo dục ngày càng an toàn, thân thiện, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Giáo dục hòa nhập: Trong năm học trường Mầm non đã thực hiện công tác giáo dục hòa nhập đối với 12/12 trẻ khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt được tạo điều kiện tham gia học tập, vui chơi cùng các trẻ khác trong môi trường giáo dục thân thiện, bình đẳng. Nhà trường chú trọng điều chỉnh nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với khả năng của từng trẻ; tăng cường phối hợp với gia đình và các cơ quan chuyên môn để hỗ trợ trẻ phát triển toàn diện, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu bảo đảm quyền học tập cho mọi trẻ em.

2.3. Chuyển đổi số trong giáo dục mầm non

Ứng dụng công nghệ số trong quản lý: được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và chất lượng điều hành. Cơ sở giáo dục đã sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, cập nhật dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu ngành, thực hiện văn bản điện tử, chữ ký số và số hóa hồ sơ. Việc ứng dụng công nghệ số trong thống kê, báo cáo, trao đổi thông tin với phụ huynh và quản lý các hoạt động giáo dục từng bước đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành giáo dục, góp phần xây dựng môi trường làm việc hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

Học liệu số và kho học liệu dùng chung: Công tác xây dựng và khai thác học liệu số, kho học liệu dùng chung được cơ sở giáo dục mầm non quan tâm triển khai thực hiện. Giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài giảng điện tử, video, hình ảnh và các học liệu phục vụ hoạt động giáo dục trẻ; đồng thời chia sẻ, khai thác hiệu quả kho học liệu số dùng chung của nhà trường và ngành giáo dục. Việc phát triển học liệu số đã góp phần đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

3. Đối với giáo dục phổ thông

3.1. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Tổ chức thực hiện chương trình: được triển khai nghiêm túc, đồng bộ tại các cơ sở giáo dục. Các nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế, thực hiện đầy đủ nội dung chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Công tác sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được tăng cường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Điều kiện bảo đảm thực hiện chương trình: được quan tâm đầu tư và từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia đầy đủ các chương trình bồi dưỡng, tập huấn; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiếp tục được bổ sung, nâng cấp; sách giáo khoa và học liệu được cung ứng kịp thời. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát được tăng cường, góp phần bảo đảm việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai: Địa phương còn thiếu giáo viên ở các môn học mới hoặc môn học đặc thù; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu; Kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất, thiết bị dạy học còn hạn chế; Chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin còn chênh lệch.

3.2. Công tác sách giáo khoa và học liệu

Tình hình triển khai sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc: được triển khai nghiêm túc, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Các cơ sở giáo dục đã chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời tiến hành tập huấn giáo viên nghiêm túc, chuẩn bị học liệu và bảo đảm cung ứng đầy đủ sách giáo khoa cho học sinh. Việc khai thác hiệu quả sách giáo khoa và học liệu số góp phần nâng cao chất lượng dạy học, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ trong toàn hệ thống giáo dục phổ thông.

Khó khăn, vướng mắc: Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác sách giáo khoa và học liệu vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc. Việc cung ứng sách giáo khoa tại địa bàn vùng sâu, vùng xa còn gặp khó khăn; nguồn học liệu số và học liệu dùng chung chưa thực sự phong phú, đồng bộ. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ khai thác học liệu số ở cơ sở giáo dục còn hạn chế. Năng lực xây dựng, khai thác và sử dụng học liệu số của một bộ phận giáo viên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới giáo dục. Những khó khăn trên cần tiếp tục được quan tâm, tháo gỡ trong thời gian tới nhằm nâng cao chất lượng dạy học và thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Kiến nghị, đề xuất: Để nâng cao hiệu quả công tác sách giáo khoa và học liệu, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn triển khai bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc và phát triển kho học liệu số quốc gia. Đề nghị các cấp chính quyền quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ thông tin và học liệu số cho các cơ sở giáo dục, nhất là tại vùng khó khăn. Đồng thời, tăng cường công tác bồi dưỡng giáo viên, xây dựng và khai thác hiệu quả kho học liệu dùng chung, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

3.3. Công tác đổi mới kiểm tra, đánh giá và thi cử

Triển khai Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT: Việc triển khai Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ tại các cơ sở giáo dục. Công tác kiểm tra, đánh giá đã có nhiều đổi mới theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; kết hợp hiệu quả giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ; tăng cường nhận xét, động viên và hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kết quả học tập và đánh giá học sinh được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Các mô hình, giải pháp đổi mới kiểm tra, đánh giá: Các cơ sở giáo dục đã triển khai nhiều mô hình, giải pháp đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Việc đánh giá được thực hiện thông qua nhiều hình thức như đánh giá thường xuyên, đánh giá bằng sản phẩm học tập, dự án, hoạt động trải nghiệm và ứng dụng công nghệ số trong quản lý kết quả học tập. Các nhà trường tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra theo ma trận, đặc tả; đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn nghiên cứu bài học và thực hiện đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học và thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Kết quả ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá: Việc ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá đã được triển khai rộng rãi tại các cơ sở giáo dục. Nhà trường từng bước sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ số, phần mềm quản lý trường học và các nền tảng số để tổ chức kiểm tra, đánh giá, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh. Công tác xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, phân tích dữ liệu đánh giá, thống kê và báo cáo được thực hiện trên môi trường số, góp phần nâng cao tính chính xác, khách quan, minh bạch và hiệu quả quản lý. Qua đó, chất lượng kiểm tra, đánh giá từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

Đề xuất, kiến nghị về đánh giá học sinh trên máy tính và xây dựng ngân hàng câu hỏi dùng chung: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm ban hành các quy định, hướng dẫn về tổ chức kiểm tra, đánh giá trên máy tính và xây dựng ngân hàng câu hỏi dùng chung trong toàn quốc; đồng thời phát triển phần mềm và cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá. Đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị và kinh phí để triển khai đánh giá trên môi trường số. Việc xây dựng ngân hàng câu hỏi dùng chung và đẩy mạnh kiểm tra trên máy tính sẽ góp phần nâng cao tính khách quan, chính xác, minh bạch trong đánh giá học sinh, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 71-NQ/TW.

3.4. Công tác phát triển giáo dục STEM, ngoại ngữ và năng lực số

Triển khai giáo dục STEM, STEAM: Trường học triển khai các hoạt động giáo dục STEM, STEAM ngày càng tăng; các cơ sở giáo dục đã đưa STEM trở thành hoạt động thường xuyên trong kế hoạch giáo dục nhà trường. Chất lượng các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và sáng tạo kỹ thuật của học sinh đã nâng cao; Năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn của học sinh từng bước được phát triển. Đội ngũ giáo viên từng bước nâng cao năng lực tổ chức dạy học tích hợp, dạy học theo dự án và giáo dục STEM, STEAM.

Dạy học ngoại ngữ và dạy học một số môn bằng tiếng Anh (nếu có): Việc triển khai dạy học một số môn bằng tiếng Anh còn gặp khó khăn về đội ngũ giáo viên, học liệu và điều kiện cơ sở vật chất.

Triển khai năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục: Hạ tầng công nghệ thông tin và thiết bị số tại cơ sở giáo dục còn thiếu và chưa đồng bộ;

Trình độ ứng dụng công nghệ số, AI của giáo viên giữa các cấp học còn chênh lệch; Nguồn học liệu số chất lượng cao và tài liệu hướng dẫn sử dụng AI trong giáo dục còn hạn chế.

3.5. Công tác phát hiện, bồi dưỡng và phát triển nhân tài

Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi: Là xã vùng sâu, vùng xa, kinh tế rất khó khăn nên nguồn học sinh có năng khiếu ở một số địa bàn còn hạn chế; chất lượng đầu vào chưa đồng đều. Học sinh chủ yếu là học thuộc lòng các môn khoa học Xã hội, không có năng khiếu ở các môn Tự nhiên.

Kết quả tham gia các kỳ thi học sinh giỏi cấp cụm, cấp tỉnh: 14 học sinh THCS tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp cụm các môn và 8 học sinh Tiểu học tham gia thi giao lưu cấp tỉnh các môn học.

3.6. Chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông

Cơ sở dữ liệu ngành: Dữ liệu ngành giáo dục từng bước được chuẩn hóa, đầy đủ và chính xác hơn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và quản trị nhà trường. Tuy nhiên, việc chuẩn hóa dữ liệu mầm non còn gặp khó khăn, do 1 số hồ sơ trẻ em chưa đồng bộ được.

Học liệu số: Số lượng và chất lượng học liệu số được xây dựng ngày càng tăng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy học và học tập; Nhiều giáo viên đã chủ động ứng dụng bài giảng điện tử, video bài giảng, học liệu tương tác và các nền tảng số trong tổ chức dạy học.

Hạ tầng công nghệ thông tin: Hạ tầng công nghệ thông tin và thiết bị học tập chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là đối với gia đình học sinh.

Mô hình trường học số, lớp học thông minh: Triển khai các phần mềm quản lý nhà trường, hồ sơ điện tử, học bạ số, sổ điểm điện tử, thư viện số và hệ thống quản lý học tập (LMS); Từng bước xây dựng môi trường làm việc không giấy tờ; tăng cường trao đổi, xử lý công việc và lưu trữ hồ sơ trên môi trường điện tử; Mô hình họp, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn trực tuyến kết hợp trực tiếp.

Lớp học thông minh: Chưa được đầu tư màn hình tương tác, máy tính, học liệu số và phần mềm hỗ trợ dạy học.

3.7. Công bằng trong tiếp cận giáo dục

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục: Kết quả phổ cập giáo dục các cấp học tiếp tục được duy trì vững chắc và từng bước nâng cao về chất lượng; Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và tốt nghiệp trung học cơ sở được nâng cao.

Giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo: Điều kiện học tập, sinh hoạt của học sinh bán trú, nội trú từng bước được cải thiện

Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật: 100 % học sinh khuyết tật được học tập trong môi trường hòa nhập cùng các bạn cùng trang lứa.

Chính sách hỗ trợ người học: Các chính sách hỗ trợ người học được triển khai tương đối đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật

Sau 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, ngành Giáo dục đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết được triển khai nghiêm túc, đồng bộ từ cấp quản lý đến các cơ sở giáo dục; nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và xã hội về đổi mới giáo dục tiếp tục được nâng cao.

Chất lượng giáo dục toàn diện có chuyển biến; việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được thực hiện đúng lộ trình, từng bước phát huy hiệu quả trong phát triển phẩm chất và năng lực người học.

Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được duy trì vững chắc; cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ em, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn được bảo đảm tốt hơn.

Chuyển đổi số trong giáo dục đạt nhiều kết quả tích cực; cơ sở dữ liệu ngành, học bạ số, học liệu số, phần mềm quản lý giáo dục được triển khai ngày càng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng quản trị nhà trường.

Giáo dục STEM, ngoại ngữ, năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học được quan tâm đẩy mạnh; từng bước hình thành môi trường học tập hiện đại, sáng tạo và hội nhập.

Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu được chú trọng.

Chính sách hỗ trợ người học được thực hiện đầy đủ, kịp thời; quyền học tập của học sinh thuộc các nhóm yếu thế, học sinh có hoàn cảnh khó khăn được bảo đảm.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng; năng lực quản trị, năng lực số và năng lực đổi mới sáng tạo từng bước được nâng cao.

Những mô hình, giải pháp hiệu quả có thể nhân rộng:

Mô hình trường học số, lớp học thông minh gắn với sử dụng học bạ số, sổ điểm điện tử, thư viện số và các nền tảng quản trị nhà trường.

Mô hình tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó khăn và giảm tỷ lệ học sinh bỏ học.

Mô hình sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và sinh hoạt chuyên môn trên môi trường số, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên.

Mô hình xã hội hóa giáo dục gắn với chuyển đổi số, huy động hiệu quả nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng để hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học liệu số.

Nhìn chung, sau 01 năm thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngành Giáo dục đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo nền tảng quan trọng để tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; từng bước xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, chất lượng, công bằng, hiện đại và hội nhập quốc tế.

2. Tồn tại, hạn chế

Các nhiệm vụ triển khai còn chậm: Công tác chuyển đổi số trong giáo dục tuy đã được quan tâm nhưng việc xây dựng trường học số, lớp học thông minh, học bạ số, kho học liệu số dùng chung và kết nối cơ sở dữ liệu ngành ở một số đơn vị còn chưa đáp ứng yêu cầu; việc triển khai giáo dục STEM, STEAM, năng lực số, ngoại ngữ và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học còn chưa đồng đều; Tiến độ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, phòng học thông minh và hạ tầng công nghệ thông tin chưa theo kịp yêu cầu đổi mới giáo dục; Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu ở một số đơn vị còn thiếu tính bền vững, chưa tạo được nguồn kế cận lâu dài.

* Những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn:

- Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

Tình trạng thiếu giáo viên vẫn còn xảy ra ở nhiều địa phương, nhất là giáo viên mầm non, tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Toán, Ngữ văn và các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều; một bộ phận giáo viên còn hạn chế về năng lực số, ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học.

Công tác thu hút, tuyển dụng và giữ chân giáo viên công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn.

- Về cơ sở vật chất và nguồn lực: Nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đổi mới giáo dục, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Về chất lượng giáo dục và công bằng trong tiếp cận giáo dục: Tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh có nguy cơ bỏ học ở địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn xảy ra; Công tác giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật còn gặp khó khăn do thiếu giáo viên chuyên môn, học liệu và trang thiết bị hỗ trợ.

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan: Điều kiện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, ảnh hưởng đến khả năng huy động nguồn lực đầu tư cho giáo dục; Địa hình phức tạp, dân cư phân tán, điều kiện đi lại khó khăn ở nhiều địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa ảnh hưởng đến việc huy động học sinh đến trường, duy trì sĩ số và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Nguyên nhân chủ quan: Công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển giáo dục còn hạn chế; chưa phát huy hiệu quả sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng; Một số cơ sở giáo dục chưa

mạnh dạn triển khai các mô hình mới như trường học số, lớp học thông minh, giáo dục STEM, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản lý giáo dục.

4. Bài học kinh nghiệm

Thực tiễn triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW cho thấy, muốn thực hiện thành công mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cần có sự lãnh đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền; sự chủ động, sáng tạo của ngành Giáo dục; sự đồng thuận của xã hội; đồng thời phải kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới quản trị, phát triển đội ngũ, chuyển đổi số và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Đây là những bài học kinh nghiệm quan trọng để tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết trong những năm tiếp theo.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và ưu tiên nguồn lực để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW; đưa các mục tiêu phát triển Giáo dục và Đào tạo vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin, trường học số, lớp học thông minh.

Bổ trí đủ biên chế giáo viên theo định mức; có chính sách thu hút, tuyển dụng, hỗ trợ và giữ chân giáo viên công tác tại các địa bàn khó khăn.

Quan tâm bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chuyển đổi số, xây dựng học liệu số, phát triển giáo dục STEM, ngoại ngữ, năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục.

Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tăng cường phối hợp với ngành Giáo dục trong công tác quy hoạch mạng lưới trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất, huy động học sinh đến trường và thực hiện các chính sách hỗ trợ người học.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, hỗ trợ phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Đề xuất đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn địa phương.

Tham mưu Chính phủ bổ sung biên chế giáo viên; có giải pháp căn cơ khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là giáo viên mầm non, Tiếng Anh, Tin học và các môn học đặc thù.

Xây dựng và phát triển kho học liệu số quốc gia, ngân hàng câu hỏi dùng chung, nền tảng học tập số và các công cụ hỗ trợ ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục.

Tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về đổi mới phương pháp dạy học, chuyển đổi số, giáo dục STEM và năng lực số.

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; nâng cao khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý và điều hành.

3. Đề xuất đối với Chính phủ, các bộ, ngành liên quan

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về giáo dục và đào tạo; tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong giáo dục.

Bảo đảm tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục theo quy định; ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho cơ sở vật chất trường học, thiết bị dạy học và hạ tầng số.

Có chính sách đặc thù đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và vùng có điều kiện Kinh tế-Xã hội đặc biệt khó khăn.

Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với ngành Giáo dục; hỗ trợ xây dựng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ sinh thái số phục vụ giáo dục.

Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia phát triển học liệu số, nền tảng giáo dục số, các chương trình đào tạo kỹ năng số, STEM và trí tuệ nhân tạo cho học sinh.

Tăng cường các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án đầu tư hỗ trợ giáo dục vùng khó khăn, giáo dục hòa nhập và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

4. Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2027–2030

Đổi mới quản trị giáo dục và huy động nguồn lực xã hội:

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình.

Tăng cường xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng để phát triển giáo dục.

Nhân rộng các mô hình hiệu quả như trường học số, lớp học thông minh, giáo dục STEM, ứng dụng AI, trường học hạnh phúc và các mô hình giáo dục vùng khó khăn.

Trên đây là Báo cáo Sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông của UBND xã Xuân Giang./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- T.Tr Đảng ủy;
- T.Tr HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hoàng